**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số /SGDĐT-GDTrH ngày tháng năm 2021 của Sở GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** .... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ..VẬT LÍ., KHỐI LỚP...10....**

**(Năm học 2022 - 2023.....)**

**1. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp:** .10.................**; Số học sinh:** ......418.............**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**......10; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ..0...... Đại học:..10.........; Trên đại học:......0.......

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:......10.......; Khá:......0..........; Đạt:.....0..........; Chưa đạt:..0......

**1.3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Thiết bị công nghệ: phần mềm máy tính,máy chiếu,ti vi,mạng internet,thiết bị di động thông minh và các phần mềm hỗ trợ khác. |  |  |  |
| 2 | Thiết bị dạy học khác: bảng phụ,phiếu học tập… |  |  |  |
| 3 | Học liệu số: các file dữ liệu và các thí nghiệm ảo vật lí.  Học liệu khác: SGK ,Phiếu thực hành theo dõi số lượng HS của từng lớp. |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

**1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**2. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**2.1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| **CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU** | | **(4 tiết)** |  |
| 1 | **Bài 1: Làm quen với Vật lí** | 2 | - Nêu được đối tượng nghiên cứu của vật lí học và mục tiêu của môn Vật lí.  - Phân tích được một số ảnh hưởng của vật lí đối với cuộc sống, đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ và kĩ thuật.  - Nêu được ví dụ chứng tỏ kiến thức, kĩ năng vật lí được sử dụng trong một số lĩnh vực khác nhau.  - Nêu được một số ví dụ về phương pháp nghiên cứu vật lí (phương pháp thực nghiệm và phương pháp lí thuyết).  - Mô tả được các bước trong tiến trình tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí. |
| 2 | **Bài 2: Các quy tắc an toàn trong phòng thực hành Vật lí** | 1 | -Đọc và nhận biết các kí hiệu, thông số trên một số thiết bị thí nghiệm vật lí   * Nêu được các quy tắc an toàn trong sử dụng các thiết bị vật lí * Nhận biết các nguy cơ mất an toàn trong khi tiến hành các thí nghiệm vật lí. * Đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn trong khi tiến hành TN trong phòng TN vật lí |
| 3 | **Bài 3: Thực hành: Tính sai số trong phép đo. Ghi kết quả đo** | 1 | * Nhận biết được phép đo trực tiếp và phép đo gián tiếp. * Nêu được 1 số loại sai số đơn giản hay gặp khi đo các đại lượng vật lí. * Nhận biết 1 số nguyên nhân gây sai số khi tiến hành thí nghiệm vật lí. * Tính được sai số tuyệt đối và sai số tỉ đối của phép đo. * Ghi đúng kết quả phép đo và sai số phép đo. |
| **CHƯƠNG II: ĐỘNG HỌC** | | **(18 tiết)** |  |
| 4 | **Bài 4: Độ dịch chuyển và quãng đường đi được** | 2 | * Từ hình ảnh hoặc ví dụ thực tiễn, định nghĩa được độ dịch chuyển * Nhận biết và phân biệt được độ dịch chuyển và quãng đường đi được. * Xác định được độ dịch chuyển tổng hợp của một vật tham gia hai chuyển động vuông góc với nhau.   -Biết sử dụng bản đồ dân dụng để xác định gần đúng quãng đường đi được và độ dịch chuyển từ vị trí này đến vị trí khác trong bản đồ.  .  – So sánh được quãng đường đi được và độ dịch chuyển. |
| 5 | **Bài 5: Tốc độ và vận tốc**– Vận dụng được công thức tính tốc độ, vận tốc. | 2 | * Tính được tốc độ trung bình và hiểu được ý nghĩa của tốc độ này. * Biết tốc độ tức thời là tốc độ tại một thời điểm xác định. Tốc độ do tốc kế chỉ là tốc độ tức thời. * Biết cách đo tốc độ trong đời sống và trong phòng thí nghiệm. * Phát biểu được định nghĩa vận tốc và viết được công thức tính vận tốc.   – Lập luận để rút ra được công thức tính tốc độ trung bình, định nghĩa được tốc độ theo một phương.  – Dựa vào định nghĩa tốc độ theo một phương và độ dịch chuyển, rút ra được công thức tính và định nghĩa được vận tốc.  – Vận dụng được công thức tính tốc độ, vận tốc.  – Xác định được độ dịch chuyển tổng hợp, tổng hợp vận tốc. |
| 6 | **Bài 6: Thực hành: Đo tốc độ của vật chuyển động** | 2 | * Thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án và thực hiện phương án , đo được tốc độ trung bình và tốc độ tức thời chuyển động của viên bi thép. * Lắp ráp được dụng cụ thí nghiệm để đo thời gian chuyển động của viên bi thép. * Đo đường kính viên bi thép bằng thước cặp. * Tiến hành thí nghiệm nhanh, chính xác.   – Mô tả được một vài phương pháp đo tốc độ thông dụng và đánh giá được ưu, nhược điểm của chúng. |
| 7 | **Bài 7: Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian** | 2 | -Mô tả được chuyển động từ đồ thị của chuyển động.  – Thực hiện thí nghiệm (hoặc dựa trên số liệu cho trước), vẽ được đồ thị độ dịch chuyển – thời gian trong chuyển động thẳng.  – Tính được tốc độ từ độ dốc của đồ thị độ dịch chuyển – thời gian |
| 8 | **Bài 8: Chuyển động biến đổi. Gia tốc** | 1 | * Tìm được ví dụ về chuyển động biến đổi ( nhanh dần và chậm dần) * Phát biểu được định nghĩa gia tốc, viết được công thức tính gia tốc, biết đơn vị của gia tốc. * Phân biệt được chuyển động nhanh dần và chậm dần dựa vào vận tốc và gia tốc.   Làm được các bài tập đơn giản về gia tốc. |
| 9 | **Bài 9: Chuyển động thẳng biến đổi đều** | 2 | – Rút ra được các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều (không được dùng tích phân).  – Vận dụng được các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều.  – Mô tả và giải thích được chuyển động khi vật có vận tốc không đổi theo một phương và có gia tốc không đổi theo phương vuông góc với phương này. |
| 10 | **Bài 10: Sự rơi tự do** | 1 | * Thực hiện 1 số thí nghiệm định tính để rút ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự rơi của vật. * Phát biểu được thế nào là sự rơi tự do. * Nêu được các đặc điểm của chuyển động rơi tự do, * Vận dụng được các kiến thức để làm bài tập và giải quyết 1 số vấn đề trong thực tế. |
| 11 | **Ôn tập** | 1 | - Các yêu cầu cần đạt ở các mức độ nhận thức vật lí và vận dụng kiến thức kĩ năng giải thích, chứng minh một số vấn đề thực tiễn thực hiện với các nội dung đã học ở chương: mở đầu, động học. |
| 12 | **Kiểm tra GHK1** | 1 | - Các yêu cầu cần đạt ở các mức độ nhận thức vật lí và vận dụng kiến thức kĩ năng giải thích, chứng minh một số vấn đề thực tiễn thực hiện với các nội dung đã học ở chương: mở đầu, động học. |
| 13 | **Bài 11: Thực hành: Đo gia tốc rơi tự do** | 2 | – Thảo luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án và thực hiện phương án, đo được gia tốc rơi tự do bằng dụng cụ thực hành.   * Lắp ráp được các dụng cụ thí nghiệm để đo gia tốc rơi tự do của vật. * - Tiến hành được TN và tính được sai số. |
| 14 | **Bài 12: Chuyển động ném** | 2 | - Biết cách phân tích chuyển động ném theo 2 thành phần vuông góc với nhau.  - Viết được các phương trình các chuyển động thành phần.  - Vận dụng được kiến thức chuyển động ném để ứng dụng 1 số tình huống đơn giản có liên quan vào hoạt động trải nghiệm của bài học.  - Thực hiện được dự án hay đề tài nghiên cứu tìm điều kiện ném vật trong không khí ở độ cao nào đó để đạt độ cao hoặc tầm xa lớn nhất. |
| **CHƯƠNG III: ĐỘNG LỰC HỌC** | | **(14 tiết)** |  |
| 15 | **Bài 13: Tổng hợp và phân tích lưc. Cân bằng lực** | 1 | – Dùng hình vẽ tổng hợp được các lực tác dụng trên cùng một đường thẳng.  - Dùng hình vẽ phân tích được một lực thành các lực thành phần vuông góc.  -Phát biểu được qui tắc hình bình hành. Vẽ được hình vẽ thể hiện quy tắc này.  -Nêu được khái niệm về lực cân bằng,không cân bằng. |
| 16 | **Bài 14: Định luật 1 Newton** | 1 | - Nhận biết được rằng lực không phải là yếu tố cần thiết để duy trì chuyển động của vật.  - Phát biểu được định luật 1 Newton  - Nhận biết được quán tính là một tính chất của các vật,thể hiện ở xu hướng bảo toàn vận tốc (về hướng và độ lớn) ngay cả khi không có lực tác dụng vào vật.  - Nêu được ví dụ về quán tính trong một số hiện tượng thực tế,trong đó một số trường hợp quán tính có lợi hoặc có hại. |
| 17 | **Bài 15: Định luật 2 Newton** | 2 | * Phát biểu và viết được công thức của định luật 2 Newton. Vận dụng được vào những bài toán đơn giản. * Nêu được trọng lực tác dụng lên vâth là lực hấp dẫn của Trái Đất đặt vào vật. Trọng lượng ( số đo của trọng lực) được tính bằng công thức P = mg. * Nêu được khối lượng là đại lượng đặc trưng cho nức quán tính của vật. |
| 18 | **Bài 16: Định luật 3 Newton** | 1 | * Phát biểu được định luật 3 Newton. Nêu được rằng tác dụng trong tự nhiên đều là tác dụng tương hỗ ( xảy ra theo hai chiều ngược nhau). * Tìm được các ví dụ thực tế minh họa cho sự tác dụng tương hỗ giữa các vật. * Vận dụng được định luật 3 Newton để giải thích một số hiện tượng thực tế. * Nêu được các lực xuất hiện trong một hiện tượng thực tế . Chỉ ra được các cặp lực trực đối cân bằng và không cân bằng. |
| 19 | **Bài 17: Trọng lực và lực căng** | 1 | * Mô tả được ví dụ thực tiễn và biểu diễn được bằng hình vẽ: trọng lực, lực căng của dây. * Phát biểu được định nghĩa của trọng lực, trọng lượng. Viết và vận dụng được hệ thức giữa trọng lượng và khối lượng.   - Tiến hành được thí nghiệm xác định trọng tâm của tấm phẳng , qua đó rút ra được kết luận về trọng tâm của vật có hình dạng đối xứng |
| 20 | **Bài 18: Lực ma sát** | 2 | * Mô tả được bằng các ví dụ thực tiễn và biểu diễn được lực ma sát. * Nêu được ví dụ về các loại ma sát nghỉ, ma sát trượt, ma sát lăn. * Qua quan sát thí nghiệm, thảo luận và rút ra các đặc điểm cỉa lực ma sát trượt. * Viết và vận dụng công thức về độ lớn của lực ma sát. * Lấy được ví dụ về lợi ích và tác hại của lực ma sát trong đời sống |
| 21 | **Bài 19: Lực cản và lực nâng** | 2 | * Mô tả được bằng ví dụ thực tiễn và biểu diễn được bằng hình vẽ: lực cản khi một vật chuyển động trong nước ( hoặc trong không khí); lực nâng ( đẩy lên trên) của nước. * Thảo luận để nêu lên được kết luận độ lớn của lực cản phụ thuộc những yếu tố nào. * Phân biệt được lực đẩy Archimede với lực nâng mà chất lưu tác dụng lên vật chuyển động. |
| 22 | **Bài 20: Một số ví dụ về cách giải các bài toán thuộc phần động lực học** | 2 | * Nêu được thế nào là phương pháp động lực học. * Vận dụng được phương pháp động lực học để giải các bài toán cơ học đơn giản. |
| 23 | **Ôn tập** | 1 | - Các yêu cầu cần đạt ở các mức độ nhận thức vật lí và vận dụng kiến thức kĩ năng giải thích, chứng minh một số vấn đề thực tiễn thực hiện với các nội dung đã học ở chương: mở đầu, động học, động lực học. |
| 24 | **Kiểm tra HK1** | 1 | - Các yêu cầu cần đạt ở các mức độ nhận thức vật lí và vận dụng kiến thức kĩ năng giải thích, chứng minh một số vấn đề thực tiễn thực hiện với các nội dung đã học ở chương: mở đầu, động học, động lực học. |
|  |  |  |  |

**2.2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| **CHUYÊN ĐỀ 1: VẬT LÍ TRONG MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ** | | **(10 tiết)** |  |
| 1 | **Bài 1: Sơ lược về sự phát triển của Vật lí học** | 2 | Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được nhiệm vụ học tập để:  + Nêu được sơ lược sự ra đời và những thành tựu ban đầu của vật lí thực nghiệm.  + Nêu được sơ lược vai trò của cơ học Newton đối với sự phát triển của Vật lí học.  + Liệt kê được một số nhánh nghiên cứu chính của vật lí cổ điển.  + Nêu được sự khủng hoảng của vật lí cuối thế kỉ XIX, tiền đề cho sự ra đời của vật lí hiện đại.  + Liệt kê được một số lĩnh vực chính của vật lí hiện đại. |
| 2 | **Bài 2: Giới thiệu các lĩnh vực nghiên cứu trong Vật lí học** | 4 | Nêu được đối tượng nghiên cứu; liệt kê được một vài mô hình lí thuyết đơn giản, một số phương pháp thực nghiệm của một số lĩnh vực chính của vật lí hiện đại.  Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được nhiệm vụ học tập tìm hiểu về các mô hình, lí thuyết khoa học đã phát triển và được áp dụng để cải thiện các công nghệ hiện tại cũng như phát triển các công nghệ mới. |
| 3 | **Bài 3: Giới thiệu các ứng dụng của Vật lí trong một số ngành nghề** | 4 | Mô tả được ví dụ thực tế về việc sử dụng kiến thức vật lí trong một số lĩnh vực (Quân sự; Công nghiệp hạt nhân; Khí tượng; Nông nghiệp, Lâm nghiệp; Tài chính; Điện tử; Cơ khí, tự động hoá; Thông tin, truyền thông; Nghiên cứu khoa học) |
| **CHUYÊN ĐỀ 2: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI** | | **(10 tiết)** |  |
| 4 | **Bài 4: Xác định phương hướng** | 3 | Xác định được trên bản đồ sao (hoặc bằng dụng cụ thực hành) vị trí của các chòm sao: Gấu Lớn, Gấu Nhỏ, Thiên Hậu.  Xác định được vị trí sao Bắc Cực trên nền trời sao. |
| 5 | **Bài 5: Đặc điểm chuyển động nhìn thấy của một số thiên thể trên nền trời sao** | 4 | Sử dụng mô hình hệ Mặt Trời, thảo luận để nêu được một số đặc điểm cơ bản của chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời, Mặt Trăng, Kim tinh và Thuỷ tinh trên nền trời sao.  Dùng mô hình nhật tâm của Copernic giải thích được một số đặc điểm quan sát được của Mặt Trời, Mặt Trăng, Kim tinh và Thuỷ tinh trên nền trời sao. |
| 6 | **Bài 6: Nhật thực, nguyệt thực, thủy triều** | 3 | Dùng ảnh (hoặc tài liệu đa phương tiện), thảo luận để giải thích được một cách sơ lược và định tính các hiện tượng: nhật thực, nguyệt thực, thuỷ triều |
| **CHUYÊN ĐỀ 3: VẬT LÍ VỚI GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** | | **(15 tiết)** |  |
| 8 | **Bài 7: Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường** | 3 | Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được nhiệm vụ học tập tìm hiểu:  + Sự cần thiết bảo vệ môi trường trong chiến lược phát triển của các quốc gia.  + Vai trò của cá nhân và cộng đồng trong bảo vệ môi trường |
| 9 | **Bài 8: Tác động của việc sử dụng năng lượng hiện nay đối với Việt Nam** | 4 | Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được nhiệm vụ học tập tìm hiểu:  + Tác động của việc sử dụng năng lượng hiện nay đối với môi trường, kinh tế và khí hậu Việt Nam |
| 10 | **Bài 9: Sơ lược về các chất gây ô nhiễm môi trường** | 4 | Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được nhiệm vụ học tập tìm hiểu:  + Sơ lược về các chất ô nhiễm trong nhiên liệu hoá thạch, mưa acid, năng lượng hạt nhân, sự suy giảm tầng ozone, sự biến đổi khí hậu |
| 11 | **Bài 10: Năng lượng tái tạo và một số công nghệ thu năng lượng tái tạo.** | 4 | Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được nhiệm vụ học tập tìm hiểu:  + Phân loại năng lượng hoá thạch và năng lượng tái tạo.  + Vai trò của năng lượng tái tạo.  + Một số công nghệ cơ bản để thu được năng lượng tái tạo |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 2 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 2 |  |  |  |  |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**3. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

**II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**(Năm học 2022 - 2023)- HK1**

**1. Khối lớp: ......10................; Số học sinh:…418………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 | Máy bắn đá-rung chuông vàng khối 10. | -Đưa ra mô hình và thiết kế máy bắn đá và giải thích được nguyên tắc hoạt động của nó .  Chế tạo được máy bắn đá đơn giản, yêu cầu bắn được tầm xa lớn nhất.  -Rung chuông vàng (bộ câu hỏi gồm 20 câu với 3 phần thi:khởi động,tăng tốc, về đích | 03 | Tuần 12. Sau khi học bài 12. Chuyển động ném. | Sân trường | Tổ vật lí | -BGH  -Đoàn thanh niên. | -Chuẩn bị loa, đài, 2 màn hình ti vi để tổ chức rung chuông vàng.Phần thưởng ,giải cho 3 lớp làm máy bắn đá và học sinh các lớp đạt giải rung chuông vàng.  -Chuẩn bị một cái chuông vàng bằng giấy carton .  -Ý tưởng tổ chức:  + Các lớp có thể thiết kế máy bắn đá trước ở nhà rồi lên khu vực tổ chức thi để thi giữa các lớp.  + Mỗi lớp cử 3 học sinh thi rung chuông vàng, GV kẻ ô ,phát số định danh theo lớp ,đọc câu hỏi trên màn hình cho học sinh quan sát và thi giữa các lớp. |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

….

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)